| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Án số: **77**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2024
*"V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Duy Chinh

*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Vũ Thị Liên Minh.

2. Ông Nguyễn Đức Trường Kháng.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024 V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984*(Có mặt)*.

Trú quán: Xóm 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên.

HKTT: Tổ 1, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1983 *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà Nguyên đơn chị* Nguyễn Thị N *trình bày*: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Ngọc L năm 2007, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau một thời gian đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuân. Nguyên nhân do anh Nguyễn Ngọc L cờ bạc, nợ nần dẫn đến mâu thuẫn gia đình căng thẳng và không có tiếng nói chung, tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không nghe. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2007 và cháu Nguyễn Yến C, sinh ngày 08/3/2011 hiện 02 cháu đang ở với tôi. Tôi có nguyện vọng nuôi con 02 chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh Nguyễn Ngọc L đến Toà án để viết bản tự khai và tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh L không đến Tòa án giải quyết theo quy định. Toà án đã tiến hành xác minh làm việc tại nơi cư trú, Công an và chính quyền địa phương phường G, thành phố T, xác định anh L có đăng ký thường trú tại Tổ A, phường G, thành phố T và vẫn thỉnh thoảng về gia đình.

Tòa án cùng chính quyền địa phương tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh L đều vắng mặt không đến Tòa án để tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên toà hôm nay.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa lần 2 cho anh L tại tổ dân phố và UBND phường để giải quyết vụ án theo quy định, tuy nhiên anh L vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn với anh L; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định; Bị đơn anh L chưa chấp hành theo quy định.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh L

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2007 và cháu Nguyễn Yến C, sinh ngày 08/3/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do nguyên đơn không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:** Đây là vụ kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn anh L có hộ khẩu và thường trú tại Tổ A, phường G, TP T, tỉnh Thái Nguyên, nên vụ án thuộc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho theo đúng quy định tại Điều 179 BLTTDS năm 2015. Tại phiên tòa anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, chị N đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện VKS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

**[2]. Về nội dung:** 2.1 .Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, TP T, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị N xin ly hôn anh L là do trong cuộc sống vợ chồng do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân chính là do anh L cờ bạc nợ nần nhiều. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh L. Thực tế là vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không ai quan tâm đến ai. Quá trình xác minh tại địa phương thì anh L thường xuyên không có mặt tại gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp thực tế và phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung**:** Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2007 và cháu Nguyễn Yến C, sinh ngày 08/3/2011. Sau khi anh chị ly thân, con chung chị N vẫn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh L thì thường xuyên vắng nhà và thỉnh thoảng có về thăm con. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi 02 con. Quá trình giải quyết vụ án thì các con chung đều có nguyện vọng được ở với chị N. Tại phiên toà anh L vẫn vắng mặt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung khi bố mẹ ly hôn, cần thiết giao 02 con chung là

cháu T và cháu Y cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung trưởng thành *(đủ 18 tuổi)* hoặc có sự thay đổi khác. Anh L1 được quyền đi lại, chăm sóc con chung,

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có và không đề nghị giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

***Vì các lẽ trên.***

## QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào***: Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

2. **Về con chung**: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 11/12/2007 và cháu Nguyễn Yến C, sinh ngày 08/3/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con chung khôn lớn trưởng thành *(đủ 18 tuổi)* hoặc có sự thay đổi khác. Anh L được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

*Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.*

3. **Về tài sản chung và nợ chung**: Không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được

chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002683 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**<u>Nơi nhận</u>:**
*- Các đương sự;*
*- TAND tỉnh Thái Nguyên*
*- VKSND thành phố Thái Nguyên;*
*- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;*
*- UBND phường G;*
*- Lưu hồ sơ.*
*- Lưu VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VŨ DUY CHINH**